

Trạng từ

1. Định nghĩa

Trạng từ (**adverbs**): là từ dùng để bổ nghĩa cho động từ, tính từ, một trạng từ khác hay cho cả câu.

2. Cách điền trạng từ

- Trạng – Tính

VD: It's a reasonably cheap restaurant

Adv

Adj

- Đầu câu hoặc trước dấu phẩy

VD: Unfortunately, I couldn't come the party.

3. Lưu ý

- Nếu đề cho câu bị động -> đáp án là trạng từ

- Nếu đề cho đủ thành phần của câu thì khoảng trống thường là trạng từ

4. Dấu hiệu nhận biết đuôi trạng từ

- Tính từ + ly -> Trạng từ

VD: Beautiful -> Beautifully

Adj

Adv

Lưu ý: ở các phần trước mình đã lưu ý các trường hợp đặc biệt mọi người mở lại để ôn lại cái từ đặc biệt này nhé

- Tính từ tận cùng đuôi ly: friendly, lonely ...

- Danh từ tận cùng là ly: ally, assembly ...

- Động từ đôi ly: apply, supply ...

5. Bài tập minh họa

VD1: To assure that your order is ____ filled, it will be checked by a two-person team.

- A. accurately C. accurate
B. accurateness D. accuracy

Giải thích: Adv + Adj + N, filled ở đây là tính từ

VD2: She _____ changed the topic of conversation, thus preventing a disagreement between her colleagues from turning into an argument.

- A. smoothly C. smooth
B. smooth out D. smoothed

Giải thích: She là S, changed là V, topic of conversation là O -> câu đã đủ các thành phần -> điền Adv

VD3: The timing belt ____ shows signs of wear after about 180,000 miles.

- A. character C. characterize
B. characteristic D. characteristically

Giải thích: The timing belt ở đây là S, shows ở đây là V, signs ở đây là O -> câu đã đủ thành phần -> điền Adv